

BÁO CÁO TỔNG KẾT

Hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2022 và Phương hướng nhiệm vụ năm 2023

A. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

I. Khái quát tình hình

Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng, hoạt động chính thức từ ngày 29/12/2017. Thực hiện chức năng và phạm vi hoạt động chủ yếu là khai thác, sản xuất, kinh doanh nước sạch, nước uống đóng chai, đầu tư xây dựng các dự án cấp nước đáp ứng yêu cầu sử dụng nước sạch cho mục đích sinh hoạt và các hoạt động sản xuất, kinh doanh theo chính sách giá do Nhà nước quy định.

- Vốn điều lệ 158.631.330.000 đồng. Tỷ lệ vốn Nhà nước tại doanh nghiệp 49%.
- Cơ cấu tổ chức của Công ty gồm có:
 - + Đại hội đồng cổ đông;
 - + Hội đồng quản trị: 05 thành viên.
 - + Ban Kiểm soát: 03 thành viên.
 - + Ban điều hành: Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.
 - + 05 phòng ban nghiệp vụ: Phòng Tổ chức Hành chính, Phòng Kế toán, Phòng Kinh doanh, Phòng Kế hoạch - Vật tư, Phòng Kỹ thuật.
 - + 13 xí nghiệp trực thuộc tại các thành phố, thị xã, huyện.
 - + Tổng số cán bộ, công nhân viên là 293 người, trong đó nữ 61 người.

1. Thuận lợi

- Ngành cấp nước tiếp tục là một trong những ngành đóng vai trò quan trọng trong xây dựng phát triển đô thị và phục vụ đời sống nhân dân. Nhu cầu sử dụng nước sạch trong tiêu dùng của người dân và các cơ sở sản xuất kinh doanh ổn định, sản phẩm tiêu thụ được duy trì ở mức độ tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước.

- Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc cùng lãnh đạo các đơn vị đã tổ chức triển khai thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh khá tốt, trong đó mục tiêu cơ bản là đáp ứng kịp thời nhu cầu nước sạch phục vụ sinh hoạt và sản xuất. Thường xuyên nắm bắt tình hình khó khăn thuận lợi để có giải pháp thực hiện tiếp theo, khắc phục được những khó khăn vướng mắc. Công tác phục vụ khách hàng được quan tâm sâu sát, cải tiến lề lối làm việc, nâng cao chất lượng hiệu quả chuyên môn. Công tác kiểm tra giám sát được chú trọng, thông qua các buổi họp định kỳ có đánh giá nhắc nhở rút kinh nghiệm kịp thời.

- Tình hình tài chính của công ty đã dần ổn định, trong năm qua đã có lãi, để bù đắp lại những khoản lỗ của các năm trước.

- Toàn thể cán bộ, công nhân viên trong doanh nghiệp luôn phát huy tinh thần trách nhiệm, hoàn thành nhiệm vụ chung.

2. Khó khăn

- Là một trong những tỉnh chịu ảnh hưởng biến đổi khí hậu đã tác động trực tiếp đến công tác sản xuất của đơn vị, tình trạng nhiễm mặn, nguồn nước cung cấp bị hạn chế, nên việc xử lý và tìm nguồn nước gặp nhiều khó khăn.

- Nhu cầu phát triển đô thị, sử dụng nguồn nước ngày càng tăng nên doanh nghiệp phải cân đối vốn để tái đầu tư phát triển mở rộng, đối với các khu vực ngoại ô thành phố khi xây dựng mở rộng thì phải có nguồn vốn nhiều, suất đầu tư bình quân/hộ cao, khả năng thu hồi vốn chậm.

II. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh

1. Sản lượng và doanh thu của từng hoạt động sản xuất

TT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện năm 2021	Năm 2022		Tỷ lệ (%)	
				Kế hoạch	Thực hiện	So với 2021	So với KH
I	Sản lượng SXKD						
1	Nước thương phẩm	m ³	20.663.239	21.600.000	21.549.871	104,29	99,77
2	Số lượng khách hàng	hộ	94.357	97.000	97.604	103,44	100,62
3	Nước đóng chai						
3.1	Bình 20 lít	bình	296.454		283.760	95,72	
3.2	Bình 5 gallon	bình	32.945		30.718	93,24	
3.3	Lốc 24 chai (350ml)	lốc	12.470		14.485	116,16	
3.4	Lốc 24 chai (500ml)	lốc	2.620		2.760	105,34	
3.5	Thùng 24 chai (350ml)	thùng	20		0	0	
II	Tỷ lệ thất thoát	%	13,34		12,44		
III	Tổng doanh thu	đồng	197.607.136.331	203.263.000.000	207.287.813.004	104,90	101,98
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	đồng	193.734.182.328	200.763.000.000	203.527.992.874	105,06	101,38
1.1	Cấp nước	“	186.637.803.387	194.400.000.000	197.060.900.479	105,58	101,37
1.2	Lắp đặt	“	2.903.405.232	3.000.000.000	2.564.062.791	88,31	85,47
1.3	Nước đóng chai	“	3.459.654.036	3.363.000.000	3.723.044.483	107,61	110,71
1.4	Khác	“	733.319.673		179.985.121	24,54	
2	Doanh thu tài chính	đồng	2.159.396.556	500.000.000	1.374.418.127	63,65	274,88
3	Thu nhập khác	đồng	1.713.557.447	2.000.000.000	2.385.402.003	139,21	119,27

- Như vậy, tổng doanh thu đạt **207.287.813.004** đồng, tăng 4,9% so với năm 2021 và đạt 101,98% so với kế hoạch.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt **203.527.992.874** đồng, tăng 5,06% so với năm 2021 và đạt 101,38% so với kế hoạch. Trong đó:

+ Doanh thu cấp nước: 197.060.900.479 đồng, chiếm 96,82%

- + Doanh thu lắp đặt: 2.564.062.791 đồng, chiếm 1,26%
- + Doanh thu nước đóng chai: 3.723.044.483 đồng, chiếm 1,83%
- + Doanh thu khác: 179.985.121 đồng, chiếm 0,09%

2. Kết quả thực hiện kế hoạch của các đơn vị

TT	Đơn vị	ĐVT	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2022	Tỷ lệ (%) so KH	Thực hiện 2021	Tỷ lệ (%) so 2021
Sản lượng nước thương phẩm toàn công ty		m ³	21.549.871	21.600.000	99,77	20.663.239	104,29
1	Nguyễn Chí Thanh	m ³	7.998.524	7.770.000	102,94	7.518.183	106,39
2	Phú Lợi	“	5.426.609	5.600.000	96,90	5.294.033	102,50
3	Mỹ Xuyên	“	1.245.977	1.300.000	95,84	1.234.184	100,96
4	Vĩnh Châu	“	1.186.190	1.165.000	101,82	1.121.919	105,73
5	Long Phú	“	706.176	720.000	98,08	685.991	102,94
6	Mỹ Tú	“	501.665	510.000	98,37	485.369	103,36
7	Trần Đề	“	1.311.999	1.365.000	96,12	1.325.158	99,01
8	Đại Ngãi	“	618.412	623.000	99,26	584.187	105,86
9	Kế Sách	“	942.533	972.000	96,97	918.621	102,60
10	Thạnh Trị	“	998.508	970.000	102,94	931.789	107,16
11	Ngã Năm	“	613.278	605.000	101,37	563.805	108,77

Sản lượng nước thương phẩm toàn công ty năm 2022 tăng 4,29% so với năm 2021, đạt 99,77% so với kế hoạch. Trong đó, có 10/11 đơn vị có sản lượng tăng so với năm 2021 và 07/11 đơn vị không hoàn thành chỉ tiêu giao năm 2022.

Tỷ lệ thất thoát toàn công ty cuối năm 2022 là 12,44%. So với năm 2021, tỷ lệ từ 13,34% giảm còn 12,44%. Trong đó:

- Đơn vị có tỷ lệ thất thoát thấp nhất năm 2022 là XNCN Đại Ngãi 8,57% (năm 2021 là 10,56%)

- Đơn vị có tỷ lệ thất thoát cao nhất năm 2022 là XNCN Vĩnh Châu 14,66% (năm 2021 là 13,41%)

3. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022

TT	CHỈ TIÊU	TH NĂM 2022	NĂM 2021	KH 2022	So 2022/2021 (%)	So với KH 2022
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	203.527.992.874	193.734.182.336	200.763.000.000	105%	101%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu					

TT	CHỈ TIÊU	TH NĂM 2022	NĂM 2021	KH 2022	So 2022/2021 (%)	So với KH 2022
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	203.527.992.874	193.734.182.336	200.763.000.000	105%	101%
4	Giá vốn hàng bán	113.208.944.955	114.833.252.817	120.000.000.000	99%	94%
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	90.319.047.919	78.900.929.519	80.763.000.000	114%	112%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	1.374.418.127	2.159.396.556	500.000.000	64%	275%
7	Chi phí tài chính	304.661.514	3.836.872.018	300.000.000	8%	102%
	<i>Chi phí lãi vay</i>	304.661.514	3.836.872.018	300.000.000	8%	102%
8	Phần lãi/lỗ trong công ty liên doanh, liên kết...					
9	Chi phí bán hàng	25.059.154.253	42.972.251.815	43.200.000.000	58%	58%
10	Chi phí quản lý DN	24.059.499.633	23.463.148.337	23.763.000.000	103%	101%
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	42.270.150.646	10.788.053.905	14.000.000.000	392%	302%
12	Thu nhập khác	2.385.402.003	1.713.557.447	2.000.000.000	139%	119%
13	Chi phí khác	98.501.337	252.294.416		39%	
14	Lợi nhuận khác	2.286.900.666	1.461.263.031		157%	
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	44.557.051.312	12.249.316.936	14.000.000.000	364%	318%
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.853.892.132		2.800.000.000		316%
17	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					

TT	CHỈ TIÊU	TH NĂM 2022	NĂM 2021	KH 2022	So 2022/2021 (%)	So với KH 2022
	nghiệp hoãn lại					
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	35.703.159.180	12.249.316.936	11.200.000.000	291%	319%
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu					
20	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.251	772	706	291%	319%

- Tổng doanh thu năm 2022 tăng 4,9% so với năm 2021 và đạt 101,98% kế hoạch năm 2022.

- Lợi nhuận trước thuế năm 2022 là 44,56 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế năm 2022 là 35,7 tỷ đồng.

III. Tình hình tài chính năm 2022

1. Tình hình tài sản và nguồn vốn

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2022	NĂM 2021	2022/2021 (%)
1	Tổng tài sản	229.990.350.531	198.829.495.892	116%
	<i>Trong đó</i>			
+	Tài sản ngắn hạn	116.671.930.476	64.396.848.279	181%
+	Tài sản dài hạn	113.318.420.055	134.432.647.613	84%
2	Tổng nguồn vốn	229.990.350.531	198.829.495.892	116%
	<i>Trong đó</i>			
2.1	Nợ phải trả	40.884.503.422	45.426.807.963	90%
	- Nợ ngắn hạn	40.089.814.052	44.643.618.593	90%
	- Nợ dài hạn	794.689.370	783.189.370	101%
2.2	Vốn chủ sở hữu	189.105.847.109	153.402.687.929	123%
	<i>Trong đó</i>			
+	Vốn góp của chủ sở hữu	158.631.330.000	158.631.330.000	100%
+	Quỹ đầu tư phát triển			
+	Lợi nhuận sau thuế	35.703.159.180	(5.228.642.071)	683%
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước			

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2022	NĂM 2021	2022/2021 (%)
	- LNST chưa phân phối lũy kỳ này	30.474.517.109	(5.228.642.071)	
+	Nguồn vốn đầu tư XDCB			

Năm 2022 so với năm 2021, tổng tài sản và nguồn vốn tăng 31,16 tỷ đồng (tương ứng 16%). Trong đó:

- Nợ phải trả giảm 4,54 tỷ đồng tương đương giảm 10% so với năm 2021 chủ yếu là Nợ ngắn hạn giảm do đã tất toán hết nợ vay ngân hàng trong năm.

- Vốn chủ sở hữu tăng 35,7 tỷ đồng tương đương tăng 683% so với năm 2021 (do năm 2022 công ty lãi 35,7 tỷ đồng).

2. Về thực hiện nghĩa vụ tài chính

STT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện 2021	Năm 2022		Tỷ lệ thực hiện	
				Kế hoạch	Thực hiện	So 2021	So KH
	Nghĩa vụ tài chính	đồng	28.374.260.631		35.467.427.206	125%	-
1	Nộp thuế GTGT	đồng	4.170.456.111		3.586.116.761	86%	-
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	đồng			5.318.106.301		-
3	Nộp các loại thuế khác	đồng	9.971.619.973		10.592.175.458	106%	-
4	Nộp các khoản bảo hiểm	đồng	5.518.787.919		6.832.702.939	124%	-
5	Các khoản phải nộp khác	đồng	8.713.396.628		9.138.325.747	105%	-
	<i>Phí nước thải sinh hoạt</i>	đồng	<i>8.713.396.628</i>		<i>9.138.325.747</i>	<i>105%</i>	<i>-</i>

Số nộp ngân sách năm 2022 tăng so với năm 2021 là 35,47 tỷ đồng tương đương tăng 25% so với cùng kỳ năm trước.

3. Về sử dụng vốn đầu tư phát triển

STT	DIỄN GIẢI	NGUỒN	SỬ DỤNG	CÒN LẠI
1	Năm 2021 chuyển sang	15.539.606.042		15.539.606.042
2	Năm 2022	34.307.264.795	3.190.393.807	31.116.870.988
2.1	Nguồn khấu hao TSCĐ	34.307.264.795		

STT	DIỄN GIẢI	NGUỒN	SỬ DỤNG	CÒN LẠI
2.2	Nguồn Quỹ ĐTPT			
2.3	Trả nợ vay ODA			
2.4	Chênh lệch tỷ giá tính vào giá thành			
2.5	Đầu tư, mua sắm thiết bị, tài sản		3.190.393.807	
	Trong đó			
	- Nhà cửa vật kiến trúc		120.306.568	
	- Máy móc thiết bị		255.118.182	
	- Thiết bị truyền dẫn		2.777.729.057	
	- Thiết bị dụng cụ quản lý		37.240.000	
	Cộng	49.846.870.837	3.190.393.807	46.656.477.030

- Nguồn vốn tái đầu tư 2021 chuyển sang: 15.539.606.042 đồng
- Khấu hao năm 2022: 34.307.264.795 đồng
- Sử dụng cho đầu tư phát triển trong năm 2022: 3.190.393.807 đồng
- Còn lại: 46.656.477.030 đồng

4. Phân phối lợi nhuận: (Đính kèm Tờ trình)

B. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU NĂM 2023

I. Mục tiêu

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 duy trì mức tăng trưởng tương đương 4,87% trên m³ nước thương phẩm.
- Tổ chức sắp xếp lại sản xuất, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tiết kiệm chi phí sản xuất, tăng hiệu quả công tác.
- Đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước tăng sản lượng tiêu thụ, cải tạo chống thất thoát nước.
- Tiếp tục đổi mới công tác chăm sóc khách hàng, cải tiến và ứng dụng công nghệ mới nhằm nâng cao chất lượng nước, chất lượng dịch vụ ngày một tốt hơn, xây dựng đơn vị cấp nước an toàn.

II. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

1. Kế hoạch sản lượng và doanh thu năm 2023

STT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	So 2022 (%)
I	Sản lượng XSKD				
1	Nước thương phẩm	m ³	21.549.871	22.600.000	+4,87
2	Số lượng khách hàng	hộ	97.604	100.104	+2,56
II	Tỷ lệ thất thoát	%	12,44	<13,00	
III	Tổng doanh thu	đồng	207.287.813.004	216.968.000.000	+4,67
1	Doanh thu bán hàng và dịch vụ	đồng	203.527.992.874	213.468.000.000	+4,88
	- Cấp nước	đồng	197.060.900.479	206.498.000.000	+4,79
	- Lắp đặt - chuyển nhượng vật tư	đồng	2.564.062.791	2.500.000.000	-2,50
	- Nước uống đóng chai	đồng	3.723.044.483	4.270.000.000	+14,69
	- Doanh thu khác	đồng	179.985.121	200.000.000	+11,12
2	Doanh thu hoạt động tài chính	đồng	1.374.418.127	1.500.000.000	+9,14
3	Thu nhập khác	đồng	2.385.402.003	2.000.000.000	-16,16

2. Chi tiết giao kế hoạch sản xuất năm 2023

TT	Đơn vị	Thực hiện năm 2022			Kế hoạch năm 2023				
		Sản lượng (m ³)	Khách hàng (hộ)	Tỷ lệ TT (%)	Sản lượng KH (m ³ /năm)	Sản lượng (m ³ /tháng)	Tăng so 2022 (%)	Khách hàng (hộ)	Tỷ lệ TT (%)
1	XNCN Nguyễn Chí Thanh	7.998.524	23.177	12,62	8.300.000	691.667	3,77	23.777	
2	XNCN Phú Lợi	5.426.609	23.616	12,62	5.725.000	477.083	5,50	24.166	

3	XNCN Mỹ Xuyên	1.245.977	6.958	12,15	1.300.000	108.333	4,34	7.158	
4	XNCN Vĩnh Châu	1.186.190	6.819	14,66	1.260.000	105.000	6,22	7.069	
5	XNCN Long Phú	706.176	4.236	10,16	742.000	61.833	5,07	4.286	
6	XNCN Mỹ Tú	501.665	2.761	12,51	517.000	43.083	3,06	2.811	
7	XNCN Trần Đề	1.311.999	8.209	11,35	1.400.000	116.667	6,71	8.459	
8	XNCN Đại Ngãi	618.412	4.472	8,57	650.000	54.167	5,11	4.572	
9	XNCN Kế Sách	942.533	6.848	10,52	996.000	83.000	5,67	6.998	
10	XNCN Thạnh Trị	998.508	6.604	9,59	1.058.000	88.167	5,96	6.764	
11	XNCN Ngã Năm	613.278	3.904	13,31	652.000	54.333	6,31	4.044	
	Tổng cộng	21.549.871	97.604	12,44	22.600.000	1.883.333	4,87	100.104	<13
12	Lắp đặt	Doanh thu 2.564.062.791 đồng			Kế hoạch doanh thu 2.500.000.000 đồng				
13	Nước đóng chai	Doanh thu 3.723.044.483 đồng			Kế hoạch doanh thu 4.270.000.000 đồng				
14	Khác	Doanh thu 179.985.121 đồng			Kế hoạch doanh thu 200.000.000 đồng				
	Doanh thu	6.467.092.395 đồng			6.970.000.000 đồng				

Trong đó:

- Sản lượng cấp nước kế hoạch 2023 tăng 4,87% so với năm 2022
- Tỷ lệ thất thoát phấu đầu <13,0%.
- Phát triển khách hàng mới tăng 2,56% so với năm 2022
- Sản lượng và doanh thu nước đóng chai tăng 14,69% so với năm 2022

3. Một số chỉ tiêu tài chính năm 2023

STT	DIỄN GIẢI	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2021	THỰC HIỆN NĂM 2022	KẾ HOẠCH NĂM 2023	SO KH 2023/ 2022 (%)
I	Chỉ tiêu kinh doanh					
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	đồng	12.249.316.936	44.557.051.31 2	34.000.000.00 0	
2	Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	đồng		8.853.892.132	4.000.000.000	
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	đồng				
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng	12.249.316.936	35.703.159.18 0	30.000.000.00 0	
5	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	đồng	772	2.251	1.891	
6	Lãi, lỗ năm trước chuyển sang	đồng	(5.228.642.071)			
7	Lợi nhuận để phân phối	đồng				
8	Phân chia lợi nhuận	đồng				
9	Trích quỹ dự phòng	đồng				
10	Trích quỹ đầu tư phát triển	đồng				
11	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	đồng				
12	Trả cổ tức	đồng				
13	Tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ	đồng				
14	Lợi nhuận chuyển năm sau	đồng				
II	Vốn điều lệ	đồng	158.631.330.00 0	158.631.330.0 00	158.631.330.0 00	
III	Nghĩa vụ tài chính	đồng	28.374.260.631	35.467.427.20 6	34.200.000.00 0	
1	Nộp thuế GTGT	đồng	4.170.456.111	3.586.116.761	3.000.000.000	
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	đồng		5.318.106.301	4.000.000.000	
3	Nộp các loại thuế khác	đồng	9.971.619.973	10.592.175.45 8	11.000.000.00 0	
4	Nộp các khoản bảo	đồng	5.518.787.919			

STT	DIỄN GIẢI	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2021	THỰC HIỆN NĂM 2022	KẾ HOẠCH NĂM 2023	SO KH 2023/ 2022 (%)
	hiêm			6.832.702.939	7.000.000.000	
5	Các khoản phải nộp khác	đồng	8.713.396.628	9.138.325.747	9.200.000.000	
	<i>Phí nước thải sinh hoạt</i>	đồng	<i>8.713.396.628</i>	<i>9.138.325.747</i>	<i>9.200.000.000</i>	

4. Kế hoạch tiền lương 2023

TT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện 2021	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	So 2022 (%)
1	Số lao động	người	292	290	292	100,68%
	Chức danh quản lý chuyên trách	người	8	8	8	100,00%
	Chức danh quản lý không chuyên trách	người	2	2	2	100,00%
	Người lao động (<i>bao gồm XN nước đóng chai</i>)	người	282	280	282	100,71%
2	Quỹ tiền lương	đồng	38.761.916.956	40.169.014.991	41.200.965.455	102,56%
	Chức danh quản lý chuyên trách	đồng	3.975.308.212	4.095.134.781	4.254.303.464	103,88%
	Chức danh quản lý không chuyên trách	đồng	430.232.415	397.531.936	430.000.000	108,16%
	Người lao động (<i>bao gồm luôn XN nước đóng chai</i>)	đồng	34.356.376.329	35.676.348.274	36.618.571.220	102,64%
3	Tiền ăn ca	đồng	2.599.964.460	2.525.506.373	2.587.600.000	102,5%
	Chức danh quản lý chuyên trách	đồng	70.080.000	70.080.000	70.080.000	100,00%
	Chức danh quản lý không chuyên trách	đồng	17.520.000	17.520.000	17.520.000	100,00%
	Người lao động	đồng	2.512.364.460	2.437.906.373	2.500.000.000	102,55w%
4	Tổng thu nhập	đồng	41.361.881.416	42.694.521.364	43.788.565.455	102,56%
	Chức danh quản lý chuyên trách	đồng	4.045.388.212	4.165.214.781	4.324.383.464	103,82%
	Chức danh quản lý không chuyên trách	đồng	447.752.415	415.051.936	447.520.000	108%
	Người lao động	đồng	36.868.740.789	38.114.254.647	39.118.571.220	102,64%
5	Thu nhập bình quân	đ/ng/th				

TT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện 2021	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	So 2022 (%)
	Chức danh quản lý chuyên trách	đ/ng/th	42.139.461	43.387.654	45.045.661	103,82%
	Chức danh quản lý không chuyên trách	đ/ng/th	18.656.351	17.293.831	18.646.667	108%
	Người lao động	đ/ng/th	10.895.018	11.343.528	11.559.861	101,91%

5. Kế hoạch đầu tư phát triển

(đính kèm bảng tổng hợp)

III. Các giải pháp thực hiện

1. Các giải pháp sản xuất kinh doanh

- Triển khai công tác khảo sát địa bàn, các công trình cấp nước đề nghị mở rộng, hiệu quả đầu tư để sớm thực hiện.

- Đánh giá hoạt động của các nhà máy sản xuất, đầu tư bổ sung nguồn nước khai thác phục vụ để hoàn thành kế hoạch và đảm bảo nguồn nước cung cấp cho người tiêu dùng.

- Phối hợp với Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh kiểm tra, giám sát chất lượng nguồn nước theo tiêu chuẩn cho phép.

- Các đơn vị trực thuộc theo dõi các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh thường xuyên, giảm lượng nước thất thoát, tăng cường công tác quản lý khách hàng, đánh giá nguyên nhân tăng, giảm sản lượng theo từng thời điểm.

2. Các giải pháp công nghệ, tiết kiệm chi phí sản xuất

- Ứng dụng đổi mới kỹ thuật, công nghệ trong quá trình sản xuất.

- Hoàn thiện và nâng cao trình độ tổ chức sản xuất, tổ chức lao động để nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí lao động, vật tư, chi phí quản lý, hạn chế tối đa các tổn thất và thiệt hại không đáng có trong quá trình sản xuất, tiết kiệm chi phí.

- Tiếp tục thực hiện cải tiến hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm cho các xí nghiệp trực thuộc.

- Tăng cường công tác quản lý kiểm tra, giám sát tài chính đối với việc sử dụng các loại chi phí và giá thành sản phẩm của doanh nghiệp.

3. Công tác quản trị

- Giáo dục cán bộ, công nhân viên nâng cao tinh thần trách nhiệm, thúc đẩy phong trào thi đua hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Đánh giá lại công việc của từng đơn vị để xây dựng định biên lao động, luân chuyển bố trí nhân lực đảm bảo lãnh đạo và điều hành sản xuất có hiệu quả.

- Xây dựng quy chế tiền lương, tiền thưởng, động viên khuyến khích được những cán bộ, công nhân viên có trình độ chuyên môn cao, có khả năng đảm nhận và giải quyết những công việc quan trọng và đòi hỏi sự phức tạp khi thực hiện. Tiền lương phải gắn liền với kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Thường xuyên chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, tạo môi trường làm việc tốt, động viên khuyến khích CB.CNV phát huy năng lực bản thân hoàn thành tốt công việc được giao, đóng góp vào sự phát triển chung của công ty.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, HSDH.



Đặng Văn Ngo

Số: 175/BC-HĐQT

Sóc Trăng, ngày 7 tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO
Hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2022

Thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị (HĐQT) báo cáo Đại hội đồng cổ đông hoạt động năm 2022 của HĐQT Công ty như sau:

I. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY NĂM 2022

1. Cơ cấu thành viên HĐQT

Hiện nay cơ cấu Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên:

Stt	Họ tên	Chức vụ	Đại diện/ sở hữu
1	Nguyễn Trọng Hiếu	Chủ tịch HĐQT	Đại diện quản lý phần vốn cổ đông chiến lược Công ty cổ phần Hawaco
2	Nguyễn Quang Mãi	TV. HĐQT	Đại diện quản lý phần vốn cổ đông chiến lược Công ty cổ phần Hawaco
3	Trần Anh Hòa	TV. HĐQT	Đại diện quản lý phần vốn Nhà nước
4	Phan Vĩnh Tùng	TV. HĐQT	Đại diện quản lý phần vốn Nhà nước
5	Đặng Văn Ngộ	TV. HĐQT	Đại diện quản lý phần vốn cổ đông Công ty cổ phần VBIC Việt Nam

2. Kết quả sản xuất kinh doanh

Tình trạng biến đổi khí hậu, hiện tượng xâm ngập mặn ngày càng trở nên trầm trọng tại tỉnh Sóc Trăng gây tác động đến nguồn nước cung cấp, một số khu vực bị thiếu nguồn nước không đủ cung cấp làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn công ty, một số chỉ tiêu chưa đạt được kỳ vọng như mong muốn, công tác triển khai thực hiện các dự án và phát triển hệ thống cấp nước chưa đạt tiến độ đề ra.

Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2022 như sau:

- M³ nước thương phẩm: 21.549.871 m³, đạt tỷ lệ 99,8 % so với kế hoạch năm, tăng trưởng 4,3% so với năm 2021.
- Tổng doanh thu: 207.287.813.004 đồng, đạt 102% so với kế hoạch năm và tăng 4,9% so với năm 2021.
- Lợi nhuận sau thuế: 35.703.159.180 đồng, đạt tỷ lệ 255 % so với kế hoạch năm, tăng trưởng 191,5% so với 2021.



3. Về hoạt động của HĐQT

- HĐQT hoạt động theo nguyên tắc tập thể, tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trong năm 2022, HĐQT đã tổ chức 02 cuộc họp trực tiếp, lấy ý kiến HĐQT qua hộp thư điện tử HĐQT 09 cuộc (có Biên bản của Tổ kiểm phiếu về việc tổng hợp ý kiến HĐQT trả lời qua hộp thư điện tử).

- Việc phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Ban điều hành được thực hiện đúng quy định. Hàng tháng, quý Ban điều hành thực hiện đúng chế độ báo cáo và lập kế hoạch thực hiện sản xuất kinh doanh, thu chi hàng tháng trình HĐQT phê duyệt đúng theo quy định. Đối với các công việc ngoài thẩm quyền, Ban điều hành gửi văn bản trình xin ý kiến phê duyệt của HĐQT mới được triển khai thực hiện.

- Tại các cuộc họp HĐQT, HĐQT cũng đã yêu cầu Ban Tổng Giám đốc báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng như giải trình các công việc còn tồn đọng để HĐQT có ý kiến chỉ đạo.

II. ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Nhằm đảm bảo nguồn nước phục vụ người dân trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng và giải quyết tình hình thiếu hụt nguồn nước cung cấp đối với các Xí nghiệp cấp nước địa phương, HĐQT tiếp tục tiến hành các thủ tục xin chủ trương về đầu tư dự án Nhà máy công suất 200.000 m³/ ngày đêm, đồng thời hợp tác với các công ty có đủ năng lực về kinh nghiệm và tài chính để liên doanh thực hiện dự án.

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát, chỉ đạo các hoạt động của các đơn vị, bảo đảm thực hiện đúng các nội dung đã được thông qua trong các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT công ty.

- Thực hiện các dự án phát triển hệ thống cấp nước, nâng công suất khai thác nước sạch các nhà máy với lộ trình đầu tư phù hợp, hiệu quả, đảm bảo cấp nước an toàn, đầy đủ cho người dân và các doanh nghiệp trong tỉnh Sóc Trăng.

- Ứng dụng khoa học, công nghệ thông tin trong quản lý và vận hành hệ thống cấp nước, phân đấu tỷ lệ thất thu, thất thoát giảm.

Trên đây là báo cáo về hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2022, xin báo cáo trước Đại hội. Trân trọng!

Nơi nhận:

- HĐQT, Ban TGD;
- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu: VT, HS.ĐHĐCĐ.



Đặng Văn Ngộ

Số: 01/BC-BKS

Sóc Trăng, ngày 02 tháng 04 năm 2023

**BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
VÀ TÓM TẮT BCTC NĂM 2022 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
Công ty cổ phần cấp nước Sóc Trăng**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Cấp nước Sóc Trăng

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2023 về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 như sau:

1. Thành viên Ban kiểm soát, hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát.

1.1. Thành viên Ban kiểm soát

Hiện nay Ban kiểm soát đã kiện toàn sau Đại hội cổ đông năm 2022 và bao gồm 03 thành viên:

- Ông Vũ Tiến Bộ - Trưởng ban
- Bà Liễu Thu Trúc - Kiểm soát viên
- Bà Nguyễn Trọng Kiên - Kiểm soát viên

1.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên và phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

Trong năm 2022, Ban Kiểm soát đã thực hiện các công việc sau:

- Tổ chức họp định kỳ và họp khi có công việc đột xuất để triển khai công việc theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao; luôn bám sát Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.
- Thường xuyên trao đổi giữa các thành viên BKS cũng như với Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng giám đốc (Ban TGD) nhằm mục đích bảo đảm các hoạt động của Công ty là phù hợp và đáp ứng quyền lợi của cổ đông.
- Xem xét các báo cáo tài chính (BCTC), báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) và chương trình kế hoạch của công ty theo định kỳ.
- Tham gia ý kiến với HĐQT trong việc đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán BCTC của Công ty.

- Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý khác của Công ty đảm bảo theo đúng chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận.

1.3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát

- Tổng mức thù lao chi cho các thành viên Ban kiểm soát trong năm 2022 là: 621.863.439 đồng (tương đương 0,3% doanh thu bán hàng&cđv).

2. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

2.1. Kết quả giám sát hoạt động kinh doanh

Ban kiểm soát đã giám sát công tác tổ chức hoạt động SXKD, thẩm định báo cáo kết quả hoạt động năm 2022 của Công ty và thống nhất đánh giá như sau:

Sóc Trăng là một trong những tỉnh chịu ảnh hưởng biến đổi khí hậu đã tác động trực tiếp đến công tác sản xuất của đơn vị, tình trạng nhiễm mặn, nguồn nước cung cấp bị hạn chế, nên việc xử lý và tìm nguồn nước gặp nhiều khó khăn. Để đảm bảo nguồn nước đạt chất lượng theo tiêu chuẩn phục vụ người dân, Công ty phải có phương án đầu tư nhiều cụm công nghệ xử lý với chi phí tương đối cao. Bên cạnh đó, nhu cầu phát triển đô thị, sử dụng nguồn nước ngày càng tăng nên Công ty phải cân đối vốn để tái đầu tư phát triển mở rộng, đối với các khu vực ngoại ô thành phố khi xây dựng mở rộng thì phải có nguồn vốn nhiều, suất đầu tư bình quân/hộ cao, khả năng thu hồi vốn chậm.

Năm 2022 Công ty thực hiện tốt mục tiêu cơ bản là đáp ứng kịp thời đầy đủ nhu cầu nước sạch phục vụ sinh hoạt và sản xuất kinh doanh. Các công tác phục vụ khách hàng được quan tâm sâu sát, nâng cao chất lượng và hiệu quả làm việc của CBCNV, chú trọng công tác kiểm tra, kiểm soát tránh thất thoát.

- Tỷ lệ thất thoát nước thương phẩm giảm từ 13,34% xuống còn 12,44 thấp hơn so với kế hoạch đề ra.

- Sản lượng nước thương phẩm đạt 99,77% kế hoạch đề ra về cơ bản là hoàn thành kế hoạch đề ra của năm.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 203.527.992.874 đồng, tăng 5,06% so với năm 2021 và tăng 1,38% so với Kế hoạch năm 2022 đã đề ra.

Trong đó:

+ Doanh thu cấp nước: 197.060.900.479 đồng, đạt 101,37% kế hoạch;

+ Doanh thu lắp đặt: 2.564.062.791 đồng, đạt 85,47% kế hoạch;

+ Doanh thu nước đóng chai: 3.723.044.483 đồng, đạt 110,71% KH;

+ Doanh thu khác: 179.985.121 đồng.

- Năm 2022, Công ty đạt lợi nhuận 44.557.051.312 đồng, sau khi nộp thuế TNDN 8.853.892.132 đồng và bù đắp số lỗ còn lại năm 2021 là 5.228.642.071 đồng thì lợi nhuận của Công ty còn lại là có thể phân phối là 30.474.517.109 đồng.

2.2. Kết quả giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022

Công ty đã cố gắng thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 trong tình hình nguồn nước bị nhiễm mặn và phải khoan một số giếng phải khoan mới, thối rửa các giếng khoan cũ, tuy vậy công tác điều hành của Ban lãnh đạo Công ty trong sản xuất kinh doanh, đã giúp cho Công ty hoàn thành các chỉ tiêu đã đề của năm.

Về các kế hoạch đầu tư theo như Nghị quyết ĐHĐCĐ 2022 là ~113,8 tỷ đồng thì tỷ lệ đầu tư mà Công ty đã thực hiện trong năm 2022 là rất thấp một phần do việc trình phê duyệt đầu tư còn nhiều vướng mắc.

Về việc đầu tư xây dựng dự án nhà máy nước 100.000m³/ngày đêm HĐQT vẫn đang trình thủ tục và xin ý kiến UBND tỉnh về phương thức và phương án đầu tư.

Về chi trả thù lao cho HĐQT và BKS, Công ty đã chi trả và quyết toán theo tỷ lệ đã được ĐHĐCĐ 2022 thông qua.

Đã lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C – Chi nhánh Cần Thơ thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022.

HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã nghiêm túc thực hiện các quyết định của ĐHĐCĐ đã được ghi trong Nghị quyết.

2.3. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022

Trên cơ sở BCTC năm 2022 của công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C – Chi nhánh Cần Thơ, BKS đã thẩm định và nhất trí báo cáo với ĐHĐCĐ như sau:

- Thống nhất với BCTC năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C – Chi nhánh Cần Thơ.

- Báo cáo đã phản ánh chính xác tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022 là phù hợp với các quy định của hệ thống kế toán hiện hành, không có sai sót trọng yếu xảy ra trong năm 2022 về công tác hạch toán kế toán.

Theo BCTC đã được kiểm toán, đến 31/12/2022, các chỉ tiêu cơ bản thực hiện trong năm 2022 như sau:

a) Về kết quả kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	Giá trị (VND)	Ghi chú
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	203.527.992.874	
2	Lợi nhuận trước thuế	44.557.051.312	
3	Lợi nhuận sau thuế	35.703.159.180	

b) Về tài sản:

TT	Chỉ tiêu	Giá trị (VND)	Ghi chú
1	Tài sản ngắn hạn	116.671.930.476	
2	Tài sản dài hạn	113.318.420.055	
3	Tổng tài sản	229.990.350.531	

c) *Vốn chủ sở hữu:* 189.105.847.109 đồng.

3. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý

3.1. Đánh giá hoạt động của HĐQT

- HĐQT đã tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty về: chế độ họp, trình tự, thủ tục triệu tập họp, ghi biên bản, ra nghị quyết phiên họp.

- Nội dung các Nghị quyết của HĐQT được thông qua đúng với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT, phù hợp với Nghị quyết của ĐHĐCĐ, không trái với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và đáp ứng được yêu cầu phát triển cũng như nhiệm vụ của Công ty.

- HĐQT đã giám sát chặt chẽ và chỉ đạo kịp thời Ban TGD trong hoạt động điều hành SXKD, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của HĐQT, ĐHĐCĐ.

- Trong năm 2022, BKS không nhận được bất kỳ kiến nghị, khiếu nại nào của cổ đông về sai phạm của HĐQT trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, BKS đã được HĐQT phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi để BKS hoàn thành nhiệm vụ.

3.2. Đánh giá hoạt động của Ban TGD và cán bộ quản lý khác

- Ban kiểm soát đánh giá cao những nỗ lực và cố gắng của Ban TGD Công ty trong công tác điều hành hoạt động SXKD, tổ chức triển khai các Nghị quyết của HĐQT, ĐHĐCĐ trong tình hình khó khăn về nguồn nước do nước nhiễm mặn và tình hình mực nước các giếng khoan bị hạ thấp.

- Trong năm vừa qua, BKS không phát hiện thấy vấn đề gì bất thường trong công tác quản lý điều hành của Ban TGD và các cán bộ quản lý khác trong công ty;

- Trong cả năm 2022, BKS không nhận được bất kỳ đơn thư khiếu nại, khiếu kiện nào có liên quan đến bất kỳ thành viên nào của Ban TGD Công ty.

- Biên chế lao động của Công ty hiện tại ổn định, các CBCNV đang ngày càng nỗ lực nhằm nâng cao năng suất lao động.

3.3. Công tác giám sát, kiểm tra thực hiện quy định về quản trị nội bộ của Công ty

- HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Ban TGD và bộ máy điều hành trong việc tuân thủ các quy phạm quản lý nội bộ; Ban TGD đã có nhiều nỗ lực trong việc tổ chức triển khai các hoạt động SXKD, đồng thời thực hiện khá tốt công tác quản trị nội bộ, hạn chế được nhiều rủi ro và sai phạm có thể xảy ra.

- BKS đã thường xuyên thực hiện hoạt động kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện các quy phạm quản lý nội bộ của Công ty, công tác ký kết và thực hiện các

hợp đồng, giao dịch của Công ty theo đúng quy định, tiến hành phối hợp cùng các phòng ban kiểm kê, kiểm tra tình trạng tài sản cố định, hàng tồn kho, các công trình dự án thi công của Công ty.

4. Kết luận và kiến nghị

4.1. Kết luận

Qua hoạt động thực thi nhiệm vụ do HĐQT giao cho, năm 2022, BKS nhận thấy, các cơ quan quản trị, điều hành và bộ máy hoạt động của Công ty CP Cấp nước Sóc Trăng đã cơ bản thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4.2. Kiến nghị

- Kiến nghị hoàn thiện các văn bản quy phạm quản lý nội bộ:

Mặc dù hệ thống quy phạm quản lý nội bộ của Công ty đã được ban hành khá đầy đủ và hoàn thiện kể từ khi công ty được cổ phần hóa năm 2017, tuy nhiên, Công ty cần phải thường xuyên tổng kết, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy phạm này để kịp thời sửa đổi, bổ sung cho thích hợp, đáp ứng yêu cầu phát triển và nhiệm vụ của Công ty trong giai đoạn phát triển hiện nay.

Công ty nên tiếp tục theo dõi, nghiên cứu và sửa đổi các quy chế, quy định về khoán định mức và quản lý theo định mức đối với vật tư, hóa chất tiêu hao trong sản xuất nước, các chi phí quản lý phát sinh thường xuyên trong quản lý doanh nghiệp như (VPP, CCDC văn phòng...), khoán lương đối với sản phẩm và định biên vị trí công việc... cho phù hợp trong các năm tiếp theo.

- Kiến nghị HĐQT, Ban TGD xem xét nghiên cứu và hoàn thiện các thủ tục xin cấp phép đầu tư dự án xây dựng nhà máy nước mặt công suất 100.000m³ ngày đêm nhằm đảm bảo về nguồn nước cho sinh hoạt và sản xuất trong tình hình xâm nhập mặn diễn biến phức tạp và trầm trọng và sâu trong đất liền như hiện nay tại tỉnh Sóc Trăng:

BKS kiến nghị HĐQT, Ban TGD Công ty tiếp tục cố gắng tìm kiếm các nguồn vốn từ các nguồn như từ các tổ chức tín dụng, các tổ chức phi chính phủ, nhằm đảm bảo nguồn vốn cho đầu tư các dự án đầu tư mới, các dự án nâng cấp, cải tạo công nghệ xử lý nước nhiễm mặn nhằm đảm bảo cấp nước liên tục cho khách hàng trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là Báo cáo hoạt động trong năm 2022 của Ban kiểm soát. Kính trình Đại hội thông qua. Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn!

